TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST.
Ngày: 15/01/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện
Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy– Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2024; Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 272/TLST- DS ngày 06/11/2023 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-DS ngày 20/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 05/01/2024 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc Kh- Sinh năm 1981(Có mặt)
Cư trú: thôn Khánh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C- Sinh năm 1981(Có đơn xin vắng mặt)
Cư trú: xóm Bái Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1983(Có mặt)
Cư trú: thôn Khánh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
Chị Đặng Minh H- Sinh năm 1998 (Có đơn xin vắng mặt)
Cư trú: xóm Bái Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Kh trình bày:

Giữa anh và anh Cường là chỗ quen biết, anh Cường có thửa đất ruộng, ở gần quốc lộ số 37 có nhu cầu muốn bán, anh có hỏi mua thửa đất, hai bên thống nhất việc chuyển nhượng thửa đất, giá thỏa thuận 480.000.000 đồng.

Ngày 01/5/2021 giữa vợ chồng anh và anh Nguyễn Văn C có làm hợp đồng chuyển nhượng viết tay, theo đó anh Cường thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng anh thửa đất có chiều rộng là 10m giáp mặt đường quốc lộ số 37, chiều sâu

hết thửa ruộng, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 02; Diện tích 299,5m^2; Vị trí tại xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giá thỏa thuận là 480.000.000 đồng; anh đã đặt cọc trước số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền còn lại, khi nào anh Cường hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng, vợ chồng anh sẽ trả hết số tiền còn lại.

Do gần một năm không làm được thủ tục chuyển nhượng, anh Cường có báo với vợ chồng anh trả hết số tiền còn lại để anh Cường lấy tiền đi làm thủ tục, ngày 24/01/2022 vợ chồng anh đã trả cho anh Cường hết số tiền còn lại là 380.000.000 đồng, khi trả có làm giấy biên nhận, anh Cường ký nhận.

Tổng số tiền đã trả cho anh Cường là 480.000.000 đồng theo giấy biên nhận anh Cường đã ký. Tuy nhiên anh xác định thực tế chỉ đưa cho anh Cường tổng số tiến là 430.000.000 đồng do thỏa thuận bớt 50.000.000 đồng giữa các bên làm chi phí.

Đến nay đã hơn hai năm nhưng anh Cường không làm được thủ tục chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh, anh đã nhiều lần liên hệ với anh Cường, thì được biết thửa đất trên là đất ruộng; không đủ diện tích đất theo hạn mức để chuyển sang đất ở, do vậy không thể làm thủ tục chuyển nhượng được.

Nay anh yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng anh với anh Nguyễn Văn C được lập ngày 01/5/2021.

Anh yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Cường phải trả cho vợ chồng anh số tiền mà vợ chồng anh đã đặt cọc là 430.000.000 đồng; Anh không yêu cầu gì về lãi suất; Không yêu cầu về phạt cọc.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C tại văn bản ý kiến gửi Tòa án; Biên bản ghi lời khai ngày 21/11/2023; Biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2023 trình bày.

Gia đình anh có thửa ruộng sát đường quốc lộ 37 số thửa 12 số tờ bản đồ 2 tổng diện tích 299,5 m^2 ở xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, năm 2021 anh có bán cho vợ chồng anh Khương chị Hường thửa đất trên với giá thỏa thuận là 480.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận anh Khương chị Hường đặt cọc trước 100 000.000 đồng và viết giấy Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 01/5/2021, tiếp theo ngày 24/01/2022 anh Khương chị Hường đưa tiếp cho anh 380.000.000đồng. Trong hợp đồng ghi đã nhận 480.000.000 đồng, nhưng thực tế anh nhận là 430.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh chịu trách nhiệm làm sổ đỏ, tuy nhiên do là đất ruộng do vậy không đủ diện tích, do vậy nhà nước không tách sổ cho và đất đó không bán được cho anh Khương.

Nay anh Khương khởi kiện yêu cầu trả số tiền là 430.000.000 đồng tiền mua đất, thì anh đồng ý trả nhưng do kinh tế khó khăn đề nghị cho trả dần. đồng thời anh đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 05/01/2021 giữa anh với vợ chồng anh Khương, chị Hường.

Do điều kiện công việc, anh đề nghị cho anh xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa.

Chị là vợ của anh Nguyễn Quốc Kh, chị đồng ý với nội dung anh Khương đã trình bày, chị yêu cầu vợ chồng anh Cường phải trả cho vợ chồng chị số tiền chuyển nhượng đất là 430.000.000 đồng, đồng thời đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh Cường với vợ chồng chị ngày 01/05/2021.

Chị Đặng Minh H tại bản tự khai, biên bàn ghi lời khai trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn C, việc anh Cường và vợ chồng anh Khương, chị Hường chuyển nhượng đất với nhau như thế nào thì chị không biết, anh Cường không bàn bạc gì với chị, sau này chị có được nghe anh Cường kể lại, thì chị mới bết.

Hiện nay anh Khương khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền là 430.000.000 đồng thì chị đồng ý trả, nhưng chị đề nghị cho vợ chồng chị được trả dần, do hiện nay kinh tế gia đình khó khăn.

Chị đề nghị cho chị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 và các Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117; Điều 122; Điều 131, Điều 288; Điều 328, Điều 407, Điều 408 ; Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 168, Điều 188 Luật đất đai 2013; Điều 27; 37 Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị quyết 326/2018/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Kh.

1. Tuyên hủy hợp đồng giao dịch dân sự về việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 01/5/2021 liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 12 số tờ bản đồ 2 tổng diện tích 299,5 m^2 giữa anh Nguyễn Văn C với vợ chồng anh Nguyễn Quốc Kh; chị Nguyễn Thị H

Buộc anh Nguyễn Văn C, chị Đặng Minh H phải hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Quốc Kh và chị Nguyễn Thị H số tiền đặt cọc chuyển nhượng đất 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng);

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch về hủy hợp đồng dân sự

Anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Minh H phải liên đới chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]- Về tố tụng:

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập và thông báo về phiên hòa giải hợp lệ, nhưng có đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Về phiên họp: Tòa án đã tống đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại phiên họp, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn C; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Minh H đều có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử là hoàn toàn tự nguyện. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Các bên có ký kết hợp đồng về việc chuyển nhượng có giao kèo bằng việc đặt cọc một khoản tiền. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc về chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Kh, yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng đất và yêu cầu vợ chồng anh Cường; chị Hằng phải trả số tiền 430.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hợp đồng chuyển nhượng đất được lập ngày 01/5/2021 liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 12; tờ bản đồ 02 tổng diện tích 299,5 m^2 ở xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giữa các bên:

Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng được lập bằng bản viết tay, chưa được công chứng, chứng thực theo quy định.

Về nội dung của hợp đồng: Nội dung của hợp đồng các bên thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng thửa đất số thửa 12 số tờ bản đồ 02 tổng diện tích 299,5 m^2 ở xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, giá thỏa thuận là 480.000.000 đồng, vợ chồng anh Khương đã đặt cọc

trước số tiền là 100.000.000 đồng để giao kèo cho việc thực hiện hợp đồng, do vậy đây được xác định là hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, giao nộp là "Hợp đồng chuyển nhượng" đề ngày 01/5/2021; Ý kiến trình bày của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có cơ sở để xác định:

Ngày 01/5/2021 giữa anh Nguyễn Văn C và vợ chồng anh Khương; chị Hường có ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 12; tờ bản đồ 02 tổng diện tích 299,5 m^2 ở xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là có thật. Bị đơn Cường thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nhượng đã nhận đủ số tiền đặt cọc của nguyên đơn là anh Khương là 100.000.000 đồng, để chuyển nhượng đất thửa đất số thửa 12 số tờ bản đồ 02 tổng diện tích 299,5 m^2 ở xóm Bãi Tre, thôn An H, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, bên Cường cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng anh Khương, chị Hường

Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay đã hơn hai năm, hợp đồng trên không thể thực hiện được, do thửa đất trên là đất ruộng, không thể thực hiện các thủ tục chuyển đổi, tách thửa. Đến nay cả nguyên đơn; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đề nghị tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 01/5/2021.

Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không tuân thủ đúng quy định về hình thức; không tuân thủ về điều kiện ký hợp đồng khi đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự. Do đó giao dịch dân sự nội dung "Hợp đồng chuyển nhượng"đề ngày 01/5/2022 giữa anh Nguyễn Văn C và vợ chồng anh Nguyễn Quốc Kh; chị Nguyễn Thị H là vô hiệu. Do vậy nguyên đơn anh Khương yêu cầu hủy hợp đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng anh Cường; chị Hằng phải trả số tiền 430.000.000 đồng:

HĐXX thấy rằng: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, giao nộp là "Hợp đồng chuyển nhượng" đề ngày 01/5/2021; Ý kiến trình bày của nguên đơn; bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có cơ sở để xác định.

Ngày 01/5/2021 Vợ chồng anh Khương đã đặt cọc cho anh Cường số tiền 100.000.000 đồng được thể hiện tại hợp đồng chuyển nhượng; Ngày 24/01/2022 anh Khương chị Hường đưa tiếp cho anh Cường số tiền 380.000.000đồng (thể hiện tại giấy biên nhận) có chữ ký của anh Cường.

Quá trình làm việc Nguyên đơn anh Khương xác định số tiền thực tế đã trả cho anh Cường là 430.000.000 đồng; Bị đơn anh Cường tại các biên bản ghi lời khai ngày 21/11/2023 (BL số 37; 38) biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2023(BL số 53) xác nhận, đã nhận của vợ chồng anh Khương tổng số tiền là 430.000.000 đồng. Nay anh Khương khởi kiện yêu cầu trả số tiền trên thì anh đồng ý trả, nhưng do kinh tế hiện tại khó khăn, anh đề nghị xin được trả dần; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hằng vợ anh Cường tại biên bản ghi lời khai

ngày 21/11/2023 (BL số 36) thể hiện đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Khương đồng ý vợ chồng có trách nhiệm trả số tiền là 430.000.000 đồng nhưng xin được trả dần.

Nhưng vậy có đủ có sở sở để xác định việc anh Cường đã nhận số tiền chuyển nhượng đất 430.000.000 đồng từ vợ chồng anh Khương là có thật, do hợp đồng chuyển nhượng là vô hiệu, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Cường; chị Hằng phải trả số tiền 430.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi xuất: Nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về hủy hợp đồng giao dịch dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Minh H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn anh Khương được chấp nhận, nên anh Khương không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả anh Khương số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[5]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39 và các Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117; Điều 122; Điều 131, Diều 288; Điều 328, Điều 407, Điều 408 ; Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 168, Điều 188 Luật đất đai 2013.

- Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị quyết 326/2018/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Kh.

1. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 01/5/2021 liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 02 tổng diện tích 299,5m^2 giữa anh Nguyễn Văn C và vợ chồng anh Nguyễn Quốc Kh; chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn C, chị Đặng Minh H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Quốc Kh và chị Nguyễn Thị H số tiền đặt cọc chuyển nhượng đất 430.000.000 đồng(Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về hủy hợp đồng giao dịch dân sự.

Anh Nguyễn Văn C; chị Đặng Minh H phải liên đới chịu 21.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả anh Nguyễn Quốc Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003568 ngày 06/11/2023 Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thanh Thuần